

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mỹ và bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 100, đường T, tổ 4, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Trung H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Trung H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 25/01/2021. Sau khi kết hôn, chị T và anh H về chung sống tại khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên từ đó vợ chồng thường

xuyên xảy ra cãi vã, gia đình bất hoà, không hạnh phúc. Từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay chị T và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 30/5/2021. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

** Tại bản tự khai ngày 04/8/2022, bị đơn anh Trần Trung H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 25/01/2021. Sau khi kết hôn, cả hai về chung sống tại khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình bất hoà, không hạnh phúc. Từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay, anh H và chị T đã sống ly thân. Anh H về lại nhà của bố mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Anh H thừa nhận, anh và chị T có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 30/5/2021. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Việc Tòa án xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và các thủ tục tố tụng mà Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung tranh chấp: Qua các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai đều đồng ý ly hôn, thỏa thuận được việc nuôi con chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của

vợ chồng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Trần Trung H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Mặc dù chị T và anh H đều đồng ý ly hôn và trình bày thống nhất được với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn nhưng do anh H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Anh H có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Hòa.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Trung H chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 25/01/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thùy T là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng chị T và anh H đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị T, anh H bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần nên thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để đoàn tụ nhưng anh Trần Trung H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh H được. Đồng thời anh Trần Trung H có lời khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị T do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Trên cơ sở trình bày của chị T, lời khai của anh H và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được. Anh H đã về nhà bố mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2022 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng

thời, trong bản tự khai gửi Tòa án, anh H cũng đồng ý ly hôn. Do vậy yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Cháu N mới được hơn 01 tuổi và hiện nay đang ở với chị T. Anh H cũng đồng ý giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung và không ai khác có yêu cầu giải quyết về nợ chung của anh H, chị T nên Hội đồng xét xử không giải quyết về nợ chung của anh H, chị T trong vụ án này.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Trung H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 30/5/2021 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004396 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên)

Bùi Bá Diễn